

Bản án số: 49 /2025/HS-ST
Ngày: 23/5/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Bắc

Thẩm phán: Ông Hoàng Trí Thức

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Công Sẻ

Ông Nguyễn Ngọc Cang

Ông Trần Văn Việt

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Đài Trang - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Thạch + Bà Nghiêm Thị Lan H - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 33/2025/TLST-HS ngày 18 tháng 3 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2025/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 5 năm 2025, Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử số 83/2025/TB-TA ngày 20 tháng 5 năm 2025 đối với:

Bị cáo: **Phạm Công D**, sinh năm 1989 tại Sóc Trăng; Thường trú: A5/23K ấp A, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 11/12; Con ông **Phạm Sĩ D1** (sinh năm 1963) và bà Lâm Thị O (**sinh năm 1968**); là con đầu trong gia đình có 02 anh em; Đã ly hôn vợ là Đỗ Thị Xuân H1 (sinh năm 1986); có 01 con sinh năm 2009.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị bắt ngày 13/4/2024, tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B. (có mặt)

*** Bị hại:**

- Ông Nguyễn Thanh P, sinh năm 1993; Địa chỉ: Số F T, phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

- Ông Đặng Quang T, sinh năm 1992; Địa chỉ: Số D đường H, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

- Ông Lương Đăng T1, sinh năm 1993; Địa chỉ: Số F P, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. (vắng mặt)

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Hoàng Mạnh H2, sinh năm 1974; Địa chỉ: Số E P, Phường B, Quận F, thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

- Ông Phạm Đức T2, sinh năm 1991; Địa chỉ: Ấp D, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

- Bà Nguyễn Thị Thu N, sinh năm 1994; Địa chỉ: Ấp D, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

- Ông Chu Đức T3, sinh năm 1984; Địa chỉ: 7 khu phố D, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

- Bà Nguyễn Thị Bé L, sinh năm 1989; Địa chỉ: D N, phường P, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

- Bà Lâm Thị Ngọc B, sinh năm 1985; Địa chỉ: Số A đường L, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

** Người bào chữa cho bị cáo:* Luật sư Phạm Duy H3, Văn phòng luật sư Phạm Duy thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B. (có mặt)

** Người làm chứng:* Ông Lê Tấn K, sinh năm 1983; Địa chỉ: 4 N, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Công D có mối quan hệ quen biết với Nguyễn Thanh P (sinh năm 1993; trú tại số F T, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh), Đặng Quang T (sinh năm 1992; trú tại số D đường H, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh), Lương Đăng T1 (sinh năm 1993; trú tại số F P, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương) và Lê Tấn K (sinh năm 1983; trú tại 4 N, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh). Quá trình giao tiếp, D gian dối tự giới thiệu bản thân là Đội trưởng Đ Công an huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh và đưa thẻ ngành Công an nhân dân có dán ảnh cho P và mọi người xem.

Ngày 09/01/2024, P, T cùng một số người bạn gồm Bùi Thanh T4 (sinh năm 1996), Ngô Thanh L1 (sinh năm 1988), Hoàng Nguyễn Khánh D2 (sinh năm 1997), Trần Mai Thanh P1 (sinh năm 1990), Huỳnh Hữu T5 (sinh năm 1991), Trần Vũ K1 (sinh năm 1995) đến khu D ở thị trấn P, huyện Đ (nay là huyện L), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nghỉ dưỡng. Sau đó, nhóm bạn của P1 tổ chức

sử dụng trái phép chất ma túy thì bị Công an huyện Đ bắt giữ. Trưa ngày 10/01/2024, P1 nhắn tin cho D biết việc P1 và nhóm bạn đang bị Công an huyện Đ (nay là huyện L) bắt giữ về hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và nhờ giúp đỡ. D đồng ý rồi điều khiển xe ô tô đi từ Thành phố Hồ Chí Minh đến gần trụ sở Công an huyện Đ (nay là huyện L). Tại đây, D gặp T1 và đưa tin nhắn giữa P1 với D cho T1 xem để yêu cầu T1 đưa 150 triệu đồng lo cho P1 cùng nhóm bạn được trả tự do. Tưởng là thật nên T1 chuyển 150 triệu đồng từ tài khoản số 19028334380036 T6 của T1 đến tài khoản số 2801688888 ACB của D, mà không biết thực chất đã bị D lừa dối chiếm đoạt. Đến khoảng 23h00' cùng ngày thì P1, T được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ (nay là huyện L) cho ra về vì không liên quan đến hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Khi gặp nhau ở trước cổng Công an huyện Đ, T1 nói đã đưa 150 triệu đồng cho D để lo cho P1 và T được ra ngoài nên P1 tin tưởng D là công an thật. Sáng ngày 11/01/2024, D gian dối yêu cầu P1 đưa 400 triệu đồng để D lo cho nhóm bạn của P1 không bị xử lý hình sự. Tin tưởng là thật nên P1 sử dụng tài khoản số 9963226683 V1 của P1 chuyển 400 triệu đồng đến tài khoản A của D, mà không biết thực chất đã bị D lừa dối chiếm đoạt. D dùng 550 triệu đồng chiếm đoạt của T1 và P1 để trả nợ tiền mua xe ô tô Ford Eco Sport biển số 51K-863.78 hết 373 triệu đồng, còn lại tiêu xài cá nhân.

Ngày 13/01/2024, nhóm bạn của P1 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ khởi tố bị can và áp dụng biện pháp tạm giam về các tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, “Mua bán trái phép chất ma túy”. Trong các ngày 23/01/2024, 07/02/2024, D gian dối yêu cầu P1 đưa thêm tiền để lo cho nhóm bạn của P1 được tại ngoại. Tin tưởng là thật nên P1 chuyển 350 triệu đồng từ tài khoản 9963226683 V1 đến tài khoản A của D, mà không biết thực chất đã bị D lừa dối chiếm đoạt.

Ngày 24/02/2024, D tiếp tục gian dối yêu cầu P1 đưa 500 triệu đồng để lo cho nhóm bạn của P1 được giảm án. Tin tưởng là thật nhưng do không có sẵn tiền nên P1 nhờ T sử dụng tài khoản 0191000301202 V1 của T giúp P1 chuyển 500 triệu đồng đến tài khoản A của D, mà không biết thực chất đã bị D lừa dối chiếm đoạt.

Ngày 09/4/2024, P1, T, T1 phát hiện D là công an giả nên yêu cầu D trả lại tiền thì D đã chuyển vào tài khoản ngân hàng của P1 187 triệu đồng. P1, T, T1 đã trình báo, tố cáo sự việc đến Công an thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi tiếp nhận nguồn tin, Công an thành phố T đã chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ (nay là huyện L) khởi tố vụ án, khởi tố bị can, bắt tạm giam đối với Phạm Công D về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự và chuyển vụ án đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B (PC01) để điều tra theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra, D thừa nhận thủ đoạn gian dối tự xưng là Đội trưởng Đ Công an huyện B có khả năng dùng tiền để “chạy án” làm cho P1 và nhóm bạn tin tưởng là thật nên đã chuyển cho Danh số tiền 1,4 tỷ đồng để “chạy án” mà không biết thực chất đã bị D lừa dối chiếm đoạt toàn bộ như đã nêu trên. Lời

khai của Phạm Công D phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về bối cảnh, diễn biến sự việc và số tiền chiếm đoạt. Số tiền chiếm đoạt được, D mua 1 nhẫn vàng trị giá 135 triệu đồng, trả nợ 130 triệu đồng cho chị Lâm Thị Ngọc B (sinh năm 1985, trú tại số A đường L, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh), trả nợ mua xe ô tô Ford EcoSport biển số 51K-863.78 số tiền 373 triệu đồng, số còn lại D tiêu xài cá nhân hết (BL 298 - 326).

*** Vật chứng vụ án:**

Đã chuyển đến Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu bảo quản chờ xử lý theo quy định của pháp luật gồm:

- 01 (một) điện thoại S Fold 5 màu xanh đen, số seri: RFCX20AREKP.
- 01 (một) điện thoại Iphone 14 Promax màu xám số seri D4RPQ2QORV.
- 01 (một) điện thoại Iphone 15 Promax màu xám IMEI: 359428794413922.
- 01 (một) xe ô tô Ford EcoSport biển số 51K-863.78 đã qua sử dụng kèm giấy đăng ký xe và sổ đăng kiểm.
- 01 (một) đồng hồ ghi chữ Rolex dây kim loại màu vàng.
- 01 (một) chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng có đính các hạt đá.
- 03 (ba) tấm hình thẻ mặc trang phục Công an nhân dân của Phạm Công D.
- 02 (hai) thẻ Chứng nhận công tác của Đ1 THVN mang tên Phạm Công D.
- 02 (hai) thẻ ATM Ngân hàng T6, 01 (một) thẻ ngân hàng A của Phạm Công D.

Ngày 22/10/2024, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu bằng hình thức trả lại các tài sản đã tạm giữ cho các chủ sở hữu như sau:

- + Anh Nguyễn Thanh P: 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung S9 màu hồng, đã qua sử dụng.
- + Anh Đặng Quang T: 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 8 plus màu đen, đã qua sử dụng.
- + Anh Lương Đặng T1: 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 12 Pro max màu trắng, đã qua sử dụng.

*** Định giá tài sản:**

Tại Kết luận số 34/KL-HĐĐGTS ngày 09/10/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự - Ủy ban nhân dân huyện Đ (nay là huyện L) xác định:

- Giá trị xe ô tô hiệu Ford EcoSport, màu trắng, biển số 51K-863.78, thời điểm tháng 6 năm 2024 là 282.333.000 đồng;

- Giá trị chiếc nhẫn kim loại vàng (17K), trọng lượng 15,9366g có 35 viên kim cương thiên nhiên rất nhỏ màu trắng, hình tròn và 01 viên đá moissanite nhân tạo màu trắng, hình tròn, kích thước khoảng 8,9 mm thời điểm tháng 6 năm 2024 là 26.700.000 đồng.

*** Thu hồi tài sản chiếm đoạt:**

- Đối với xe ô tô Ford EcoSport biển số 51K-863.78: Ngày 06/01/2024, anh Phạm Đức T2 ký gửi cho Công ty A1 bán chiếc xe này với giá 373.000.000 đồng. Ngày 12/01/2024, Công ty A1 đã bán xe cho D và anh T2 đã nhờ môi giới làm dịch vụ sang tên giấy tờ xe cho D. Ngày 15/8/2024, Cơ quan điều tra ra quyết định tạm giữ số tiền 373 triệu đồng của anh T2 có nguồn gốc do phạm tội mà có nhưng do anh T2 khai đã tiêu xài hết nên không có để giao nộp.

- Đối với chiếc nhẫn vàng: Bà Nguyễn Thị Bé L chủ Hộ kinh doanh Kỳ lân LUXURY (số D N, Phường P, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh) khai có bán nhẫn vàng và giao cho khách giấy biên nhận nhưng không còn lưu giữ các giấy biên nhận do cửa hàng sửa chữa, thay mới phần mềm quản lý nên không xác định được có bán nhẫn cho Phạm Công D hay không. Do đó, Cơ quan điều tra không có cơ sở để thu hồi số tiền 135 triệu đồng.

- Đối với số tiền 130 triệu đồng D trả nợ cho Lâm Thị Ngọc B, sau khi nhận tiền, do chị B đã tiêu xài hết nên Cơ quan điều tra không thu hồi được.

*** Kết quả xác minh các tài liệu tạm giữ của Phạm Công D:**

- Giấy chứng nhận thẻ công tác mang tên Phạm Công Danh số THVN/2023 do Công ty Cổ phần T7 cấp ngày 01/12/2023: Ngày 04/6/2024, Cơ quan điều tra có văn bản số 1294/VPCQCSĐT đề nghị công ty CP T7 THVN cung cấp thông tin về giấy chứng nhận thẻ công tác mang tên Phạm Công D. Qua xác minh tại số C đường Y, khu phố B, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai không có Công ty Cổ phần T7 đặt trụ sở hoạt động.

- Đối với 03 (ba) tấm hình thẻ mặc trang phục Công an nhân dân của Phạm Công D. Cơ quan điều tra đã lấy lời khai ông Chu Đức T3 (sinh năm 1984, trú tại: 7 khu phố D, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh) xác định ông T3 là cán bộ Công an xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh, cấp bậc hàm Đại úy. Ông T3 có quen biết với Phạm Công D nhưng ông T3 không cho D mượn trang phục Cảnh sát nhân dân để chụp ảnh.

*** Trách nhiệm dân sự:**

Anh Lương Đăng T1 yêu cầu Phạm Công D bồi hoàn số tiền 150 triệu đồng; anh Đặng Quang T yêu cầu Phạm Công D bồi hoàn số tiền 500 triệu đồng; Anh Nguyễn Thanh P yêu cầu Phạm Công D bồi hoàn số tiền 563 triệu đồng.

Hiện Phạm Công D và gia đình chưa bồi hoàn cho các anh T1, T và P.

*** Những vấn đề khác có liên quan trong vụ án:**

- Quá trình điều tra Phạm Công D khai nhận liên hệ đưa 100 triệu đồng cho người tên T4 (không rõ địa chỉ) làm việc tại Công an huyện Đ để nhờ T4 lo cho nhóm bạn của P được bảo lãnh tại ngoại. Tuy nhiên, tại Công an huyện Đ không có người tên T4 như lời khai của D nên không có cơ sở xử lý.

- Đối với nội dung D khai cùng ông **Hoàng Mạnh H2** làm việc tại A07 Bộ C1 tặng quà và 100 triệu đồng tiền mặt cho Giám đốc Công an tỉnh B: Quá trình điều tra, ông H2 khai D làm nghề lái xe dịch vụ nên ngày 26/02/2024 ông H2 thuê D chở đến Công an tỉnh B và không có liên quan gì đến hành vi của D. Sau đó, D thừa nhận lời khai ban đầu tại Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ là không đúng sự thật.

- Đối với hành vi của Nguyễn Thanh P, Đặng Quang T và Lương Đăng T1 đưa số tiền 1,4 tỷ đồng cho D để lo “chạy án” cho nhóm bạn của P là có dấu hiệu của tội “Đưa hối lộ” theo quy định tại Điều 364 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, do P, T, T1 đã tố cáo sự việc trước khi bị phát giác nên Cơ quan CSĐT Công an tỉnh căn cứ không xử lý đối với P, T và T1 là phù hợp với khoản 7 Điều 364 Bộ luật Hình sự.

- Đối với việc D rút tiền mặt từ ngân hàng mua 01 nhẫn vàng, xe ô tô, trả nợ cho Lâm Thị Ngọc B là dùng tiền phạm tội tiêu xài cá nhân, không có mục đích kinh doanh, giao dịch tài chính, ngân hàng nhằm che giấu nguồn gốc bất hợp pháp tiền phạm tội nên không có cơ sở xử lý D về tội “Rửa tiền” quy định tại Điều 324 Bộ luật Hình sự.

2. Tại Cáo trạng số 165/CT-VKSBRVT-P2 ngày 13 tháng 11 năm 2024, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu truy tố bị cáo Phạm Công D về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

3. Tại phiên tòa, trong bản luận tội vị đại diện Viện Kiểm sát đã nêu các tình tiết vụ án, tính chất nguy hiểm trong hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và đề nghị Hội đồng xét xử:

3.1. Tuyên bố bị cáo Phạm Công D phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, các điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 50, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Công D 13 (Mười ba) - 15 (Mười lăm) năm tù.

3.2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo Phạm Công D bồi thường cho các bị hại, bao gồm: anh Lương Đăng T1 150.000.000 đồng, anh Đặng Quang T 500.000.000 triệu đồng, anh Nguyễn Thanh P 563.000.000 triệu đồng.

3.3. Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự;

- Tạm giữ các tài sản của bị cáo Phạm Công D để đảm bảo thi hành án gồm: 01 (một) điện thoại S Fold 5 màu xanh đen, số seri: RFCX20AREKP; 01 (một) điện thoại Iphone 14 Promax màu xám số seri D4RPQ2QORV; 01 (một) điện thoại Iphone 15 Promax màu xám số IMEI: 359428794413922; 01 (một) xe ô tô hiệu Ford EcoSport biển số 51K-863.78 đã qua sử dụng kèm giấy đăng ký xe và sổ đăng kiểm; 01 (một) đồng hồ ghi chữ Rolex dây kim loại màu vàng; 01 (một) chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng có đính các hạt đá.

- Tịch thu tiêu hủy đối với: 03 (ba) tấm hình thẻ mặc trang phục CAND của Phạm Công D, 02 (hai) thẻ Chứng nhận công tác của Đ1 THVN mang tên Phạm Công D, 02 (hai) thẻ ATM Ngân hàng T6, 01 (một) thẻ ngân hàng A của Phạm Công D.

4. Tranh luận và đối đáp tại phiên tòa:

4.1. Luật sư Phạm Duy H3 phát biểu quan điểm bào chữa cho bị cáo:

Đồng ý với tội danh, khung hình phạt Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét nội dung các tình tiết vụ án giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo: bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu do nhất thời không kiềm chế được bản thân; bị cáo là người nhanh nhẹn, tháo vát, thành khẩn khai báo hành vi phạm tội, ăn năn hối cải. Đề nghị Hội đồng xét xử khoan hồng tuyên mức án đầu khung cho bị cáo hoặc áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử bị cáo mức án dưới khung hình phạt quy định để bị cáo sớm trở về lao động giúp ích bản thân, gia đình và xã hội.

4.2. Bị cáo Phạm Công D nhất trí với bào chữa của Luật sư, không bào chữa, tranh luận bổ sung.

4.3. Bị hại Nguyễn Thanh P không có ý kiến tranh luận.

4.4. Đại diện Viện Kiểm sát đối đáp:

Bị cáo phạm tội đặc biệt nghiêm trọng, phạm tội nhiều lần ảnh hưởng đến hình ảnh người chiến sỹ Công an nhân dân, gây dư luận và **tác dụng** xấu trong dư luận. Đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt dưới khung quy định theo đề nghị của Luật sư bào chữa.

5. Trong lời nói sau cùng, bị cáo xin lỗi các bị hại, thể hiện thái độ ăn năn hối hận, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo có cơ hội sớm trở về làm công dân tốt có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu và chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, người bào chữa của bị cáo, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác;

[1] *Về tố tụng:*

Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh B, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã tuân thủ nghiêm chỉnh theo thủ tục tố tụng trong việc thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, người bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, kết luận giám định, định giá tài sản và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử đã có căn cứ xác định nội dung vụ án như sau:

Phạm Công D với thủ đoạn gian dối tự xưng là Đội trưởng Đ Công an huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh có khả năng lo “chạy án” cho nhóm bạn của Nguyễn Thanh P, Đặng Quang T và Lương Đăng T1 đang bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ truy cứu trách nhiệm hình sự về các tội “Sử dụng trái phép chất ma túy”, “Mua bán trái phép chất ma túy” được tại ngoại và giam án; làm cho P, T và T1 tin tưởng là thật nên từ ngày 10/01/2024 đến ngày 24/02/2024 đã nhiều lần chuyển tiền theo yêu cầu tổng số 1,4 tỷ đồng, và bị Phạm Công D chiếm đoạt, sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

Như vậy, có đủ căn cứ xác định bị cáo Phạm Công D phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự, đúng như truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội:

Hành vi của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự, gây hoang mang lo lắng, bất bình trong quần chúng nhân dân. Là người trưởng thành, phát triển đầy đủ về thể chất và tinh thần, bị cáo nhận thức rõ quyền sở hữu hợp pháp về tài sản là khách thể được pháp luật bảo vệ, phải tôn trọng, nhưng vẫn cố ý đưa ra thông tin gian dối về việc mình là Đội trưởng Đ, có khả năng lo “chạy án”, khiến các bị hại tưởng giả là thật, tin tưởng nhiều lần chuyển các số tiền rất lớn theo yêu cầu để chiếm đoạt tiền của nhiều bị hại, cố tình vi phạm pháp luật, gây ảnh hưởng xấu đến hình ảnh, uy tín của người chiến sĩ Công an nhân dân.

Do vậy, phải có hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, để đảm bảo tác dụng răn đe, cải tạo, giáo dục bị cáo và đấu tranh phòng ngừa chung, đồng thời nêu cao tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4.1] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội với tình tiết tăng nặng “phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[4.2] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ “người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”, theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] *Về xử lý vật chứng:*

- Tạm giữ các tài sản đã thu giữ của bị cáo Phạm Công D để đảm bảo thi hành án gồm: 01 (Một) điện thoại S Fold 5 màu xanh đen số seri: RFCX20AREKP, 01 (Một) điện thoại iPhone 14 Promax màu xám số seri D4RPQ2QORV, 01 (Một) điện thoại iPhone 15 Promax màu xám IMEI: 359428794413922, 01 (Một) xe ô tô hiệu Ford EcoSport biển số 51K-863.78 đã qua sử dụng kèm giấy đăng ký xe và sổ đăng kiểm, 01 (Một) đồng hồ ghi chữ Rolex dây kim loại màu vàng, 01 (Một) chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng có đính các hạt đá.

- Tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án đối với: 03 (Ba) tấm hình thẻ mặc trang phục CAND của Phạm Công D; 02 (Hai) thẻ Chứng nhận công tác của Đ1 THVN mang tên Phạm Công D đã được chuyển cho Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo Công văn số 12/CV-THS ngày 12 tháng 02 năm 2025

- Trả lại cho bị cáo Phạm Công D 02 (Hai) thẻ ATM T6, 01 (Một) thẻ ngân hàng A của Phạm Công D, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[6] *Về biện pháp tư pháp:*

Tại phiên tòa, các bị hại yêu cầu bị cáo Phạm Công D bồi thường các khoản tiền như sau: anh Lương Đăng T1 150.000.000 đồng, anh Đặng Quang T 500.000.000 triệu đồng, anh Nguyễn Thanh P 563.000.000 triệu đồng. Bị cáo nhất trí với yêu cầu bồi thường của bị hại. Tuy nhiên, các khoản tiền này do các bị hại chuyển cho bị cáo Phạm Công D nhằm mục đích chạy án, lo cho nhóm bạn của các bị hại được tại ngoại, giảm nhẹ trách nhiệm ... là giao dịch bất hợp pháp, bị nghiêm cấm; nên cần tuyên truy thu đối với bị cáo Phạm Công D, nộp ngân sách Nhà nước toàn bộ số tiền nêu trên.

[7] *Về các vấn đề khác liên quan trong vụ án:*

[7.1] Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Công D đã xác nhận các lời khai trước đây trong quá trình điều tra vụ án là không đúng sự thật; gồm:

- Về việc bị cáo đưa 100.000.000 đồng cho người tên T4 (không rõ địa chỉ) làm việc tại Công an huyện Đ để nhờ T4 lo cho nhóm bạn của P được bảo lãnh tại ngoại; vì thực tế không có người tên T4 công tác tại Công an huyện Đ (nay là huyện L);

- Về việc bị cáo cùng ông Hoàng Mạnh H2 làm việc tại A07 Bộ C1 tặng quà và 100.000.000 đồng tiền mặt cho Giám đốc Công an tỉnh B; vì bị cáo chỉ được ông H2 thuê lái xe dịch vụ chở đến Công an tỉnh B;

Nên Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát xác định không có căn cứ xử lý các cá nhân, hành vi liên quan là đúng quy định.

[7.2] Việc bị cáo Phạm Công D đến ngân hàng rút tiền chiếm đoạt được của bị hại mua nhẫn vàng, xe ô tô, trả nợ cho Lâm Thị Ngọc B là dùng tiền phạm tội tiêu xài cá nhân, không có mục đích kinh doanh, giao dịch tài chính, ngân hàng nhằm che giấu nguồn gốc bất hợp pháp tiền phạm tội nên Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát xác định không có cơ sở xử lý bị cáo về tội “Rửa tiền” quy định tại Điều 324 Bộ luật Hình sự là đúng.

[7.3] Các ông Nguyễn Thanh P, Đặng Quang T và Lương Đặng T1 có hành vi đưa 1,4 tỷ đồng cho bị cáo Phạm Công D để lo “chạy án” cho nhóm bạn của P có dấu hiệu của tội “Đưa hối lộ” theo quy định tại Điều 364 Bộ luật Hình sự. Các ông này đã chủ động tố cáo sự việc trước khi bị phát giác nên Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát không xử lý đối với họ là có căn cứ, phù hợp với khoản 7 Điều 364 Bộ luật Hình sự.

[8] *Về án phí*: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố bị cáo Phạm Công D phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 50, Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Phạm Công D 14 (Mười bốn) năm tù, thời hạn tính từ ngày 13/4/2024.

2. Xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

[2.1] Xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tạm giữ các tài sản đã thu giữ của bị cáo Phạm Công D để đảm bảo thi hành án gồm: 01 (Một) điện thoại S Fold 5 màu xanh đen số seri: RFCX20AREKP, 01 (Một) điện thoại Iphone 14 Promax màu xám số seri D4RPQ2QORV, 01 (Một) điện thoại Iphone 15 Promax màu xám IMEI: 359428794413922, 01 (Một) xe ô tô hiệu Ford EcoSport biển số 51K-863.78 đã qua sử dụng kèm giấy đăng ký xe và sổ đăng kiểm, 01 (Một) đồng hồ ghi chữ Rolex dây kim loại màu vàng, 01 (Một) chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng có đính các hạt đá.

- Trả lại cho Phạm Công D 02 (Hai) thẻ ATM Ngân hàng T6, 01 (Một) thẻ ngân hàng A của Phạm Công D nhưng tiếp tục tạm giữ cùng các tài sản thu giữ từ bị cáo để đảm bảo thi hành phần trách nhiệm dân sự.

Các vật chứng trên hiện đang bảo quản tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, theo Biên bản giao nhận vật chứng số 16/BB-CTHADS ngày 18 tháng 11 năm 2024.

- Tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án đối với: 03 (Ba) tấm hình thẻ mặc trang phục CAND của Phạm Công D, 02 (Hai) thẻ Chứng nhận công tác của Đ1 THVN mang tên Phạm Công D.

[2.2] Về biện pháp tư pháp:

Truy thu, nộp ngân sách nhà nước đối với bị cáo Phạm Công D số tiền 1.213.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm mười ba triệu đồng).

4. Án phí sơ thẩm hình sự sơ thẩm:

Bị cáo Phạm Công D phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

5. Quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (23/5/2025), bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm. Đối với các bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
- Công an tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
- Sở Tư pháp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
- Thi hành án hình sự tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng khác;
- Lưu (3): Văn phòng, Tòa Hình sự, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Minh Bắc